

Số: 64/2022/CRC/BCTN

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105087537
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6292.5566
- Số fax/Fax: (84-24) 6292 5566
- Website: <http://createcapital.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CRC
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Ngày **29/12/2010**: Công ty được thành lập với tiền thân là Công ty TNHH Create Capital Việt Nam, số vốn Điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng).

2011

Ngày **06/10/2011**, Công ty thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Ngày **01/08/2014**: Công ty tăng vốn lên 150 tỷ đồng

Ngày **11/09/2014**: Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

Từ khi thành lập đến nay, Công ty phát triển theo hướng trở thành một mô hình “sở hữu tài sản” với chức năng tập trung đầu tư vào các công ty trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói đất sét nung (gạch ngói bằng công nghệ lò Tuynel) thông qua mua bán – sáp nhập (M&A) các doanh nghiệp, nhà máy, nhà xưởng phân bố ở miền Trung và miền Bắc Việt Nam. Ngoài ra, để tăng trưởng về qui mô, công ty cũng đầu tư vào lĩnh vực thương mại hàng hóa như: xe ô tô đặc thù, sơn các loại.

2015

Ngày **31/08/2015**: Công ty được Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 150/2017/GCNCP-VSD

2018

Ngày **20/08/2018**, cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là **CRC**.

2021

Ngày **12/11/2021**: Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ Việt Nam đồng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực điện năng lượng mặt trời;
- + Sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel;
- + Thương mại vật liệu xây dựng;
- + Thi công, xây dựng công trình;
- + sản xuất và thương mại nông sản.

Địa bàn kinh doanh:

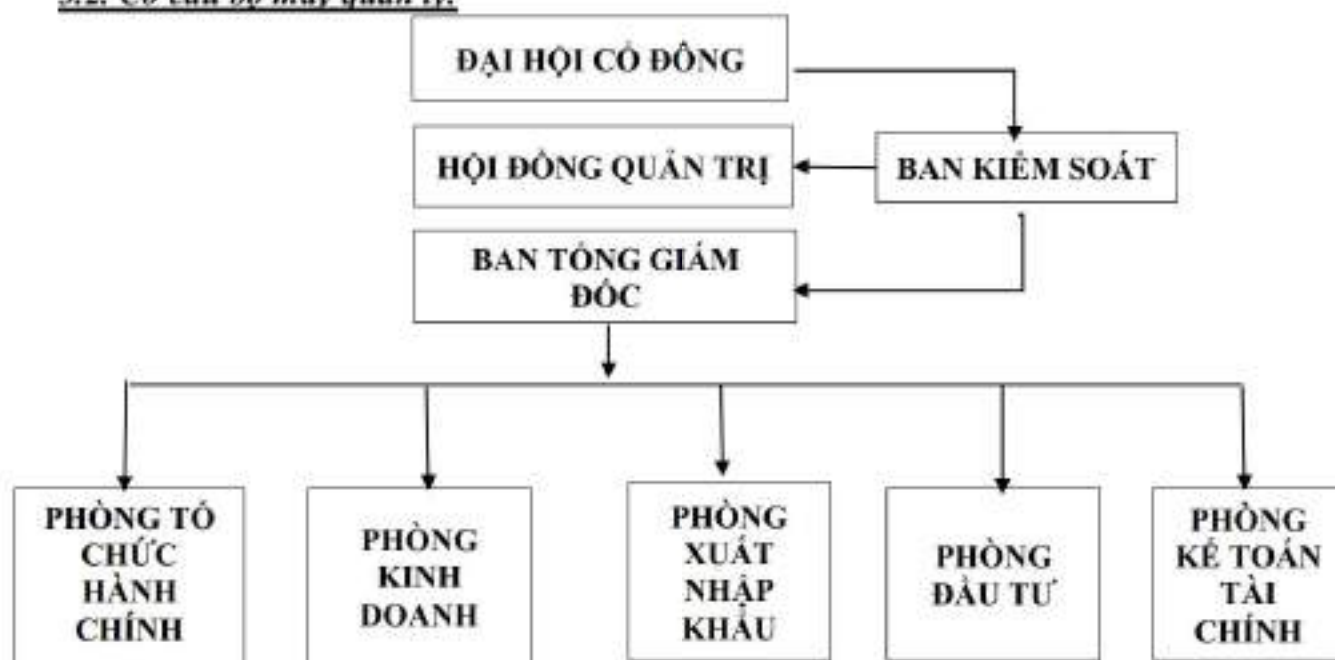
- + Địa bàn kinh doanh vật liệu xây dựng tập trung chủ yếu tại các tỉnh thành lân cận các nhà máy: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Kontum, Hà Nội, Đà Nẵng.
- + Địa bàn kinh doanh nông sản: Thị trường trong nước tập trung tại Kontum và thành phố Hồ Chí Minh. Thị trường ngoài nước là Singapore, Mỹ, Thụy Sỹ, Australia, Anh, Trung Quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng (Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020).

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- + Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- + Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- + Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- + Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- + Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- + Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- + Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- + Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
- + Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- + Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- + Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- + Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- + Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- + Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của công ty quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do ông Mai Anh Tám làm chủ tịch, 02 thành viên độc lập. Cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	
2	Dương Thị Huyền	Ủy viên HĐQT	
3	Hoàng Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	
4	Nguyễn Lâm Tùng	Ủy viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

5	Lê Thành Nhân	Ủy viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
---	---------------	--------------	-------------------------

 **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 (một) Trưởng Ban Kiểm soát và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- + Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ công ty;
- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- + Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- + Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- + Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- + Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Huế	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Hà Thị Hiến	Kiểm soát viên
3	Ông Nguyễn Văn Nhu	Kiểm soát viên

 **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 02 người là 01 Tổng Giám đốc, 02 Kế Toán trưởng, nghĩa vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm điều hành Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc như sau:

- + Trực tiếp điều hành và phân công nhiệm vụ để giải quyết các công việc hàng ngày của Công ty;
- + Quyết định kịp thời mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề không thuộc thẩm quyền xử lý, đồng thời đề xuất phương án giải quyết;
- + Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao;
- + Ký các văn bản, chứng từ, các hợp đồng, giao dịch theo thẩm quyền;
- + Quyền hạn, nhiệm vụ và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Các Thành viên của Ban Tổng Giám đốc hiện này:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
2	Bà Vũ Thị Thủy	Kế toán trưởng

Phòng Đầu tư

- + Là phòng chiến lược của Công ty, phòng luôn được đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, nắm bắt tốt chính sách và quan hệ đối ngoại tìm kiếm cơ hội đầu tư, tham mưu cho lãnh đạo về quyết định đầu tư, quản lý quá trình đầu tư; quản lý giám sát các hạng mục dự án.

+ Thường xuyên báo cáo cấp trên về tình hình hoạt động của các công ty thành viên, giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác. Tham mưu cho lãnh đạo về quy chế quản lý, đầu tư.

Phòng Tổ chức Hành chính

+ Chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc và thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tổ chức, quản lý hành chính, quản lý nhân sự, lao động tiền lương;

+ Tư vấn, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng quy trình/ quy định/ quy chế, chính sách liên quan đến hành chính, nhân sự;

+ Thực hiện thanh toán lương, bảo hiểm, các chế độ, chính sách cho nhân viên theo Luật Lao động Việt Nam và Quy định của Công ty;

+ Xây dựng Kế hoạch, tổ chức tuyển dụng và đào tạo nhân sự, quản lý hồ sơ nhân sự;

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nội quy/quy định của Công ty;

+ Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện 5S để đảm bảo môi trường làm việc luôn được sạch sẽ, chuyên nghiệp;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty;

+ Thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ;

+ Cập nhật các văn bản của hệ thống quản lý chất lượng;

+ Lên kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, lương, thưởng;

+ Xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;

+ Tổ chức quản lý, sử dụng con dấu của Công ty đúng qui định của pháp luật.

+ Giúp Ban giám đốc trong việc lễ tân, tiếp khách;

+ Chăm sóc sức khỏe CBCNV trong toàn Công ty cấp cứu sơ cứu bệnh nhân; hàng năm mua và theo dõi bảo hiểm y tế cho CBCNV Công ty;

+ Các công việc khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng Kế toán – Tài chính

+ Thực hiện công tác tài chính, kiểm toán nội bộ, quản lý tài sản, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty.

+ Lập kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Công ty tham mưu cho Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

+ Chủ trì thực hiện nhiệm vụ thu và chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, theo dõi đối chiếu công nợ.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác và phát triển vốn của Công ty, quản lý, phân bổ, điều chuyển vốn và hoàn trả vốn vay, lãi vay của Công ty;

+ Thực hiện quyết toán quý, 6 tháng, năm đúng tiến độ và tham gia cùng với phòng nghiệp vụ của công ty để hoạch toán lỗ, lãi giúp cho ban giám đốc Công ty nắm chắc nguồn vốn, lợi nhuận.

+ Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước phản ánh trung thực kết quả hoạt động của Công ty;

+ Phân tích tình hình tài chính, cân đối nguồn vốn, công nợ... trong Công ty và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;

+ Chủ trì làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán, Ngân hàng và các đơn vị chức năng khác;

+ Lập hồ sơ vay vốn trung hạn, ngắn hạn Ngân hàng, lập kế hoạch và quy định huy động vốn từ các nguồn khác phục vụ cho công tác giải ngân thanh quyết toán cho các nhà thầu thi công.

+ Chủ trì hướng dẫn công tác hạch toán nghiệp vụ kế toán tài chính trong toàn Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành, kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán kế toán,

quản lý tài chính và các chế độ chính sách khác liên quan đến công tác tài chính, kế toán của Công ty.

+ Kiểm tra định kỳ về công tác kế toán, thực hiện chế độ chính sách, kỷ luật thu chi tài chính, kế toán vốn và các loại tài sản khác trong toàn công ty nhằm thực hiện đúng các chế độ chính sách của Nhà nước đã quy định.

+ Tham gia soạn thảo, thẩm định hồ sơ, theo dõi, kiểm tra tiến độ giải ngân, thanh quyết toán đối với các hợp đồng kinh tế trong Công ty cũng như nguồn vốn đầu tư cho các dự án, các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và thực hiện.

Phòng Kinh doanh

+ Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến bán hàng, marketing của Công ty;

+ Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn; nghiên cứu tình hình môi trường kinh doanh;

+ Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh để xác lập định hướng chiến lược phát triển toàn diện Công ty, các chính sách phát triển, các kế hoạch dài hạn;

+ Xây dựng chiến lược marketing, chính sách marketing phù hợp với từng giai đoạn phát triển, từng sản phẩm, từng dịch vụ;

+ Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược, chiến thuật nâng cao sức mạnh cạnh tranh của Công ty;

+ Chủ trì lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng tháng, quý, năm và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty;

+ Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc kinh doanh của Công ty;

+ Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm;

+ Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ kiểm tra theo dõi các công tác liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế;

- + Quản lý các hợp đồng kinh tế (quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, thanh lý hợp đồng);
- + Phối hợp với Phòng Kế toán trong việc thanh toán hợp đồng và thu hồi nợ;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc phân công.

Phòng Xuất nhập khẩu

- + Định hướng chiến lược xuất nhập khẩu cho Công ty
- + Nghiên cứu thị trường xuất nhập khẩu cũng như tìm kiếm các thị trường mới từ đó lập các phương án kinh doanh phù hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tiếp cận, đàm phán và ký kết các hợp đồng xuất nhập khẩu đồng thời điều hành quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

Danh sách các Công ty con:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>
1	Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	206.000.000.000	99,99%	Năng lượng
2	Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	10.000.000.000	97,99%	Năng lượng
3	Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	20.000.000.000	97,99%	Năng lượng
4	Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	20.000.000.000	97,99%	Năng lượng
5 (Gián tiếp)	CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	Hà Nội	10.000.000.000	95,99%	Năng lượng
6 (Gián tiếp)	CTCP Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	10.000.000.000	94,99%	Năng lượng

7 (Gián tiếp)	CTCP Xây lắp Điện Lâm Đồng	Hà Nội	10.000.000.000	96,99%	Năng lượng
8 (Gián tiếp)	CTCP Jinca Việt Nam	Hà Nội	20.000.000.000	96,94%	Năng lượng
9 (Gián tiếp)	CTCP Elecsun Việt Nam	Hà Nội	10.000.000.000	93,19%	Năng lượng
10 (Gián tiếp)	CTCP Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Hà Nội	10.000.000.000	97,99%	Năng lượng
11 (Gián tiếp)	CTCP Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	40.000.000.000	97,99%	Năng lượng
12 (Gián tiếp)	CTCP Resun Việt Nam	Hà Nội	10.000.000.000	96,99%	Năng lượng
13 (Gián tiếp)	CTCP Năng lượng Xanh Kosun	Kon Tum	10.000.000.000	96,89%	Năng lượng
14 (Gián tiếp)	CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh	Kon Tum	10.000.000.000	94,99%	Năng lượng

Danh sách các công ty liên kết

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>
1	Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	30.000.000.000	49%	Sản xuất gạch Tuynel
2	Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	40.000.000.000	45%	Sản xuất gạch Tuynel

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- + Xây dựng chính sách, chiến lược phát triển bền vững.

- + Hoàn thiện công tác đào tạo, triển khai định hướng phát triển bền vững từ cấp quản lý đến các nhân viên;
- + Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược ngành hàng:

- + Tập trung phát triển ngành năng lượng sạch (chủ yếu là điện mặt trời)
- + Giữ vững những thành quả đã đạt được trong lĩnh vực nông sản và VLXD.
- + Phát triển kinh tế trang trại kết hợp với điện năng lượng mặt trời;
- + Nhạy bén nắm bắt các cơ hội đầu tư vào các ngành hàng mới, nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả.

Chiến lược phân phối:

- + Mở rộng thị trường tiêu thụ ra các thị trường lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, ...
- + Xây dựng chính sách về giá, quyền lợi phù hợp với các đại lý;
- + Xây dựng triển khai các kênh bán hàng mới, bắt kịp với xu hướng phát triển chung của thị trường.

Chiến lược sản xuất

- + Thực hiện đầu tư mua lại nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời, mang thương hiệu tấm pin năng lượng mặt trời đầu tiên của Việt Nam phát triển ra thị trường thế giới
- + Đầu tư có chiều sâu vào các dây chuyền sản xuất hiện có của Công ty để nâng cao các công suất sản xuất của các dây chuyền.

Chiến lược quản trị

- + Quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững;
- + Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động.
- + Đào tạo, phát triển bộ máy nhận lực chất lượng cao.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về giá

Rủi ro về giá dịch vụ đối với Công ty đến từ sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã có các biện pháp như: tính toán giá bán hợp lý phù hợp với thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước đổi mới trang thiết bị, mở rộng quy mô hoạt động ...

5.2 Rủi ro về giá nguyên liệu

Nguyên liệu chính trong các sản phẩm gạch tuynel của Công ty là đất sét dùng trong sản xuất gạch, than và dầu diesel. Đối với những doanh nghiệp sản xuất gạch Tuynel thì đất sét đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất gạch Tuynel yêu cầu đất sét sau khi khai thác phải được ngâm ủ trong kho từ 06 -12 tháng nhằm tăng tính dẻo và độ đồng đều của đất sét. Đất được ngâm ủ càng lâu càng cho ra sản phẩm chất lượng. Do đó, chính sách tồn kho nguyên liệu của Công ty là luôn duy trì lượng đất sét đủ để đảm bảo sản xuất trong một năm. Với chính sách dự trữ như vậy, Công ty đã giảm thiểu ảnh hưởng của việc tăng giá đất đột xuất đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều tương tự xảy ra đối với nhóm nguyên liệu than, Công ty nhập than từ các đối tác lâu năm nên luôn được ưu đãi về giá và tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro giá than tăng cao cũng như tiết giảm chi phí vận chuyển, mỗi lần nhập kho, Công ty thường đặt hàng cả chuyến tàu chở than có trọng tải lớn đủ sản xuất trong vòng 1-2 tháng.

Dầu diesel chỉ chiếm khoảng 3% trong giá trị nguyên vật liệu sản xuất gạch, nên biến động giá sẽ không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Các nguyên liệu nông sản như cao su, điều ... luôn có sự biến động về giá. Vì vậy, Công ty cần phải nắm bắt nhanh nhạy sự biến động của thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh có hiệu quả.

5.3 Rủi ro về cạnh tranh thị trường

Đối với thị trường gạch xây dựng, sản phẩm tiêu thụ theo từng vùng nên các lò gạch được phân bố dàn trải khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Vì vậy, ngành sản xuất gạch xây dựng có tính cạnh tranh cao. Để có thể đứng vững trên thị trường, Công ty phải có những cải tiến về kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo

chất lượng sản phẩm. Đồng thời, Công ty cũng tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với thị trường nông sản: do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 dẫn đến việc xuất khẩu nông sản sang các nước trở nên khó khăn.

Đối với thị trường sản xuất năng lượng tái tạo: Đây là một ngành đầu tư đầy tiềm năng cho các doanh nghiệp của Việt Nam, điều này dẫn đến số lượng đối thủ cạnh tranh trên thị trường ngày càng nhiều. Thêm vào đó, những thay đổi trong các chính sách của chính phủ cũng ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty.

5.4. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có thể gây ra những thiệt hại về tài sản, con người, thị trường... và do đó sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/ Giảm (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	369.087	579.913	36,35% ↓
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23.206	6.915	235,59% ↑
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22.463	4.899	358,48% ↑

Tình hình thực hiện kế hoạch so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Năm 2021	% Hoàn thành
Doanh thu	Tỷ đồng	608.656	369.087	60.64%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	25.642	23.206	90.50%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24.813	22.463	90.53%

Do tác động của dịch Covid-19 và Công ty vẫn đang thay đổi cơ cấu doanh thu từ nông sản và vật liệu xây dựng sang năng lượng tái tạo. Tuy doanh thu sụt giảm nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt 90% kế hoạch đề ra do phát triển năng lượng tái tạo là phát triển bền vững, đem lại lợi nhuận lâu dài.

2. Tổ chức và nhân sự

Ban Tổng Giám đốc:

a. Tổng Giám đốc: Bà Dương Thị Huyền

Họ tên	:	Dương Thị Huyền
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	24/04/1987
Nơi sinh	:	Phúc Thọ, Hà Nội
Số CMND	:	001187000765
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	:	
<i>Từ 2012 đến 2013</i>		<i>Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam</i>
<i>Từ 2013 đến 2015</i>		<i>Kế toán trưởng nhà máy gạch Tuynel Alpha</i>
<i>Từ 2010 đến 2017</i>		<i>Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam</i>
<i>Từ 2017 đến 2019</i>		<i>Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam</i>
<i>Từ 2020 đến nay</i>	:	<i>Tổng Giám đốc Công ty CP Create Capital Việt Nam</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Công nghệ CRC</i> <i>Giám đốc CTCP CRC Power</i> <i>Giám đốc CTCP CRC Invest</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b. Kế toán trưởng: Bà Vũ Thị Thủy

Họ tên	:	Vũ Thị Thủy
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	06/06/1978
Nơi sinh	:	Hải Phòng
Số CMND	:	031091198
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tân Liên - Vĩnh Bảo - Hải Phòng
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	:	
<i>Từ 06/2002 đến 04/2006</i>	:	<i>Kế toán thuế - Công ty CP thép Hòa Phát</i>
<i>Từ 04/2016 đến 2016</i>	:	<i>Kế toán trưởng - Công ty CP đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Tân Hà An</i>
<i>Từ 2017 đến 2018</i>	:	<i>Kế toán trưởng – Công ty Nam Thành</i>
<i>Từ 2019 đến nay</i>	:	<i>Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam</i>
<i>Từ 2020 đến nay</i>	:	<i>Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Công nghệ CRC</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần công nghệ CRC
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2021 không có sự thay đổi trong Ban Điều hành của Công ty.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

📁 Cơ cấu lao động

Loại lao động	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I. Phân theo trình độ lao động	110	121	131
1. Trình độ trên đại học	1	1	1
2. Trình độ đại học	18	21	31
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	20	22	22
4. Công nhân kỹ thuật	54	54	54
5. Sơ cấp			
6. Lao động khác	17	23	23
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	110	121	131
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	-	-	-
2. Lao động không xác định thời hạn	104	110	125
3. Lao động trong thời gian thử việc	6	11	6
4. Khác	-	-	-
Tổng	110	121	131

📁 Chính sách đối với người lao động

- Chính sách đào tạo và văn hóa doanh nghiệp: Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để các CBCNV của Công ty có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp. Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo một quy trình chặt chẽ. Các lao động trực tiếp đều được tập huấn đào tạo tay nghề thường xuyên đảm bảo chất lượng tốt nhất.

- Chính sách tuyển dụng: Công ty có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín; chính sách trả công minh bạch, đảm bảo đời sống cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty sử dụng hiệu quả Quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi động viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hóa doanh nghiệp.

- Chính sách về thời gian làm việc, các chế độ phúc lợi: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính, không quá 4 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày đối với lái xe, nhân viên phục vụ. Các chế độ về thời gian nghỉ lễ, phép, thai sản ... được đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty đã xây dựng hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ tiện nghi cần thiết phục vụ nhân viên trong khi làm việc. Các lao động trực tiếp đều được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ, vệ sinh lao động, đảm bảo an toàn trong khi làm việc. Công đoàn Công ty chăm lo đến đời sống tinh thần cho người lao động trong Công ty, tổ chức việc khám sức khỏe định kỳ, phong trào thể thao, du lịch, văn thể mỹ ... đều được đảm bảo.

- Chính sách về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật. Hệ số lương của CBCNV được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc, thâm niên của người lao động; Công ty tổ chức khen thưởng kịp thời khuyến khích người lao động cống hiến cho Công ty. Các chế độ y tế, bảo hiểm xã hội, thuế... đều được công ty đảm bảo theo các quy định hiện hành.

d. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:

Thực hiện chủ trương và định hướng chiến lược mới của Hội đồng quản trị, Công ty đã tập trung đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp kỳ vọng đem lại hiệu quả cao trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo, đồng thời kiểm soát chặt chẽ được vốn đầu tư của mình. Trong năm 2021 Công ty đã tiến hành phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, và sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu để góp vốn vào

Công ty CP Công nghệ CRC để CRCTech¹ mua lại 10 công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là điện năng lượng mặt trời áp mái, tăng số lượng công ty con của CRCTech lên 14 công ty con. Đây là một trong các bước tiến, để CRC thực hiện tham vọng trở thành doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực điện năng lượng mặt trời.

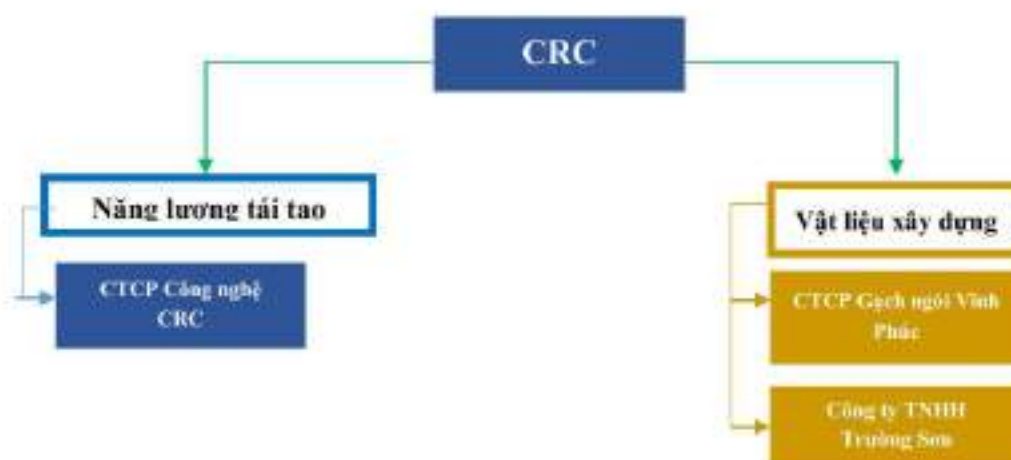
Năm 2021, Công ty đã thực hiện thoái vốn và đầu tư mới như sau:

Tình hình thoái vốn, đầu tư mới 2020

Danh mục		Giá trị (tỷ đồng)
I	Thoái vốn đầu tư	
1	Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	15,722
2	Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch	6,625
II	Đầu tư mới	
1	Công ty cổ phần Công Nghệ CRC	136

Tính đến 31/12/2021, CRC đang đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết như sau:

Cơ cấu hoạt động đầu tư của CRC



Một số dự án Công ty đã thực hiện triển khai có thể kể đến như:

¹ Công ty cổ phần Công nghệ CRC – Công ty con của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

Dự án Điện áp mái tại Thôn Đa Hoa



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 6MWp
- Địa điểm: Thôn Đa Hoa, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư King group Việt Nam

Điện áp mái Thôn An Hội 2



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp

Dự án Điện áp mái thôn An Hội 1



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Hà My

Điện áp mái Thôn An Hội 3



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp

- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai

Điện áp mái Thôn Hương Thuận



- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Phan Linh YB

Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 2MWp
- Địa điểm: Thôn Hương Thuận, Xã Đa Lậy, Huyện Đa Tê, Tỉnh Lâm Đồng
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hồng Khanh

e. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	625.670.602.859	642.136.521.397	2.63% ↑
Doanh thu thuần	579.913.513.964	369.087.805.784	36.35% ↓
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.381.132.766	12.535.645.943	70% ↑
Lợi nhuận khác	(465.957.406)	10.670.973.496	2390% ↑
Lợi nhuận trước thuế	6.915.175.360	23.206.619.439	236% ↑
Lợi nhuận sau thuế	4.899.657.601	22.463.805.597	358% ↑
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	327	1.275	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: + Hệ số thanh toán nhanh:	1.26 0.44	1.66 1.05	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.71 2.49	0.46 0.84	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho + Vòng quay tổng tài sản:	3.6 0.93	3.59 0.57	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.....	0.8% 2.7% 0.78% 1.27%	6.08% 6.42% 3.5% 6.9%	

f. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 30.000.000 cổ phần (Ba mươi triệu cổ phần)
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 26.217.011 cổ phần (Hai mươi sáu triệu hai trăm mười bảy nghìn không trăm mười một cổ phần)
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 3.782.989 cổ phần (Ba triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm tám mươi chín cổ phần)

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2021

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Mai Anh Tâm	Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	2.000.000	6.67%

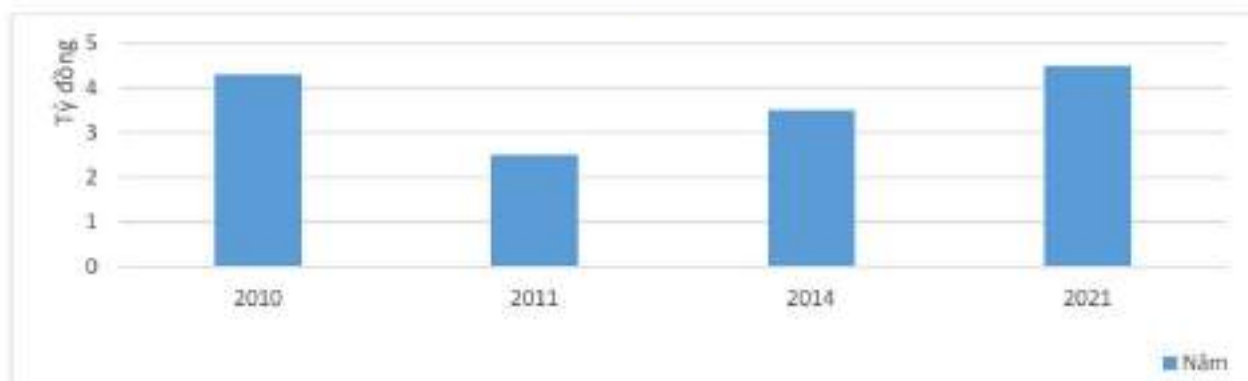
2	Các cổ đông nhỏ còn lại		28.000.000	93.33%
---	-------------------------	--	------------	--------

- **Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí: Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước, nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác**

Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí khác tại ngày 31/12/2021

Stt	Tiêu chí phân loại	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông sở hữu từ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.000.000	6.67%	01
	- Tổ chức trong nước	-	-	-
	- Cá nhân trong nước	2.000.000	6.67%	01
	- Tổ chức nước ngoài	-	-	-
	- Cá nhân nước ngoài	-	-	-
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	28.000.000	93.33%	3530
	- Tổ chức trong nước	980	0.0033%	13
	- Cá nhân trong nước	27.896.650	92.99%	3500
	- Tổ chức nước ngoài	102.370	0.341%	7
	- Cá nhân nước ngoài	21.900	0.73%	10
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
	TỔNG	30.000.000	100%	3531

g. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn ĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Tháng 12/2010	10.000.000.000	10.000.000.000	Góp vốn thành lập	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội
Tháng 10/2011	90.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội
Tháng 08/2014	50.000.000.000	150.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội
Tháng 11/2021	150.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội

h. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Tác động lên môi trường:

🗑️ Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, chi phí nguyên vật liệu chính chiếm khoảng 40%. Trong đó, đất sét và than là hai nguyên liệu tối quan trọng, lần lượt chiếm khoảng 22% và 15% giá thành, còn lại 3% là dầu diesel.

Nguyên liệu đất sét: loại đất có đặc tính dẻo, mịn, giảm trọng lượng khi nung và phối, sau khi nung sẽ đổi màu, đông cứng và kết dính. Đất sét là nguyên liệu chính cấu thành sản phẩm gạch. Trữ lượng mỏ cộng với chất lượng của sét chính là những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra.


Công ty thực hiện mua đất sét tại các địa điểm ngay gần lò sản xuất gạch. Lợi thế này giúp Công ty chủ động được nguồn sét đầu vào để sản xuất sản phẩm, từ đó có nhiều lợi thế cạnh tranh cũng như hạn chế được những rủi ro liên quan đến yếu tố đầu vào.

Than: Hai loại than chính sử dụng trong quy trình sản xuất gạch Tuynel của Công ty là than pha và than đốt. Để tiết kiệm chi phí vận chuyển cũng như đảm bảo tính đồng nhất đồng nhất về chất lượng của than trong quá trình nung - đốt, nên mỗi lần nhập kho nguyên liệu này, Công ty nhập nguyên tầu chở than với trọng tải lớn, đủ để một nhà máy sản xuất trong 1 - 2 tháng.

Trong cơ cấu giá thành các sản phẩm nông sản của Công ty, chi phí nguyên liệu thô chiếm 90%, còn lại là chi phí thuê gia công và vận chuyển.

- **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm dịch vụ chính của tổ chức**

- + Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng trong sản xuất tại các nhà máy là khoảng 3 đến 5%.
- + Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được Công ty khoán định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.
- + Việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến không những nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm đáng kể nhiên liệu cho Công ty.

 **Tiêu thụ năng lượng**

- **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

Năm 2021, lượng xăng dầu tiêu thụ của Công ty ước tính khoảng 30.552,24 lít. Việc tiêu thụ xăng dầu chủ yếu đến từ nhu cầu sử dụng các xe tải vận chuyển hàng hóa, các xe máy chuyên dụng dùng trong sản xuất, các phương tiện đi lại công tác trong vùng, định kỳ ghé thăm các đại lý bán hàng, v.v... Lượng điện tiêu thụ trong năm của Công ty là 570.000 Kw.

- **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả**

Công ty đã xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, điện trong sản xuất kinh doanh theo chính sách sử dụng hiệu quả tiết kiệm nhờ đó tổng năng lượng tiêu hao giảm đáng kể. Các chính sách tiết kiệm năng lượng Công ty đang áp dụng:

- + Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc tránh hao tổn điện năng, nhiên liệu.
- + Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- + Thay thế các thiết bị chiếu sáng thông thường bằng hệ thống tiết kiệm điện như bóng đèn compact, đèn led ...
- + Phát triển kinh tế trang trại kết hợp với điện mặt trời áp mái.

Tiêu thụ nước

Nguồn nước công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư. Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, dễ sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- + Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không.**
- + Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không.**

Chính sách liên quan đến người lao động

- **Chính sách tuyển dụng**

Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân. Việc sắp xếp lao động trong dây chuyền sản xuất luôn được rà soát tỷ mỉ, ưu tiên lựa chọn người lao động có trình độ tay nghề cao và có tâm với công việc. Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng.

- **Chính sách đào tạo**

Tại Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, con người luôn là yếu tố trung tâm tạo nên phần giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, vì vậy, tập trung đào tạo, trau dồi chất lượng nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng.

+ Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty là 8.000.000 đồng/người/tháng, và đây cũng là mức lương tương đương với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

+ Mọi quan hệ lao động giữa Công ty và người lao động được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo mọi quy định của pháp luật:

+ Công ty cam kết thực hiện các chế độ, chính sách lương thưởng, đãi ngộ và môi trường làm việc đối với người lao động thông theo như được ký kết hàng năm.

+ Mọi quyền lợi của người lao động (đặc biệt là lao động nữ) đều được đảm bảo theo Bộ luật lao động và quy định của Nhà nước.

+ Tất cả nhân viên đều đối xử công bằng với đồng nghiệp giống như cách mình muốn người khác đối xử với chính bản thân mình, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác hay quốc tịch.

+ Với nhận định, nguồn nhân lực là nhân tố vô giá tạo nên thành công của doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đầu tư cho người lao động, duy trì chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đầu tư tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh giúp cho người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình, tạo hiệu quả làm việc cao nhất.

+ Ngoài 12 tháng lương cơ bản, mỗi năm người lao động còn được thưởng thêm một tháng lương khác vào dịp Tết Âm lịch; vào các ngày lễ Tết Dương lịch, Quốc tế lao động, Quốc Khánh ... hàng năm, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động.

+ Về chương trình đào tạo người lao động: Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và chăm sóc sức khỏe. Hàng năm, công ty đều thực hiện đầu tư trang thiết bị và tổ chức các khóa huấn luyện bảo hộ lao động, đồng thời, tích cực thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, các cán bộ chuyên môn chủ chốt của Công ty thường xuyên được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ như thuế, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán để có thể hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ mà HĐQT, cũng như Đại hội đồng cổ đông giao phó.

📌 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- + Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao tới cộng đồng.
- + Là một đơn vị trong khu vực kinh tế tư nhân, Công ty đã đóng góp hơn 700 triệu tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2021. Bên cạnh đó, Công ty góp phần tạo ra công ăn việc làm và giúp cải thiện đời sống của người dân địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đại dịch COVID-19 đã và đang làm thay đổi thế giới, tác động tiêu cực trực tiếp tới tất cả các quốc gia, tới kinh tế và thương mại quốc tế, tới tất cả các doanh nghiệp và thành phần kinh tế trong nước.

Công ty cổ phần Create Capital cũng là một trong số các doanh nghiệp phải chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tác động của dịch bệnh. Doanh thu của Công ty đạt 369,1 tỷ đồng giảm 206 tỷ so với năm 2020 và đạt 60,64% kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Chuỗi cung ứng hàng hóa dịch vụ bị đình trệ trên toàn cầu làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc xuất khẩu nông sản sang các nước trên thế giới dẫn đến doanh thu xuất khẩu nông sản giảm mạnh.

Các làn sóng dịch bệnh, đặc biệt là đợt dịch lần thứ 4 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 và lan rộng ra nhiều tỉnh thành, nhiều khu vực, địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội trong nhiều tháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Việc tìm kiếm khách hàng tiềm năng, hợp tác đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

Tuy doanh thu giảm mạnh, nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 90% kế hoạch đã đề ra nhờ vào việc chuyển hướng chiến lược kinh doanh từ Vật liệu xây dựng, Nông sản sang Năng lượng tái tạo.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng cơ cấu tài sản của Công ty

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

Bảng 1: Các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Phải thu ngắn hạn	127.244.739.385	103,641,467,132
Phải thu khách hàng	57.661.660.156	4,339,140,137
Trả trước cho người bán	52.379.681.180	87,879,601,476
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.060.000.000	-
Phải thu khác	14.143.398.049	11,422,725,519
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Phải thu dài hạn	6.000.000.000	38,140,000,000
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
Phải thu dài hạn khác	6.000.000.000	38,140,000,000
Tổng cộng	133.244.739.385	141.781.467.132

Bảng 2: Các khoản phải trả - Hợp nhất*Đơn vị tính: đồng*

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	386.886.823.638	158,431,286,587
Phải trả người bán	268.425.006.027	23,732,258,249
Người mua trả tiền trước	73.804.942.774	23,070,205,617
Các khoản thuế phải nộp	3.088.857.331	1,232,872,602
Phải trả NLD	54.644,137	218,906,769
Chi phí phải trả	159.558.255	300,491,008
Phải trả ngắn hạn khác	392.190.034	2,469,710,000
Vay và nợ thuê tài chính	40.961.625.080	107,290,853,227
Nợ dài hạn	59.975.907.728	134,211,531,075
Doanh thu chưa thực hiện	113.769.417	221,862,397
Vay và nợ thuê tài chính	59.862.138.311	133,989,668,678
Tổng cộng	446.862.731.366	292,642,817,662

Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2020-2021, Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn nào.

i. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2021, CRC đã chủ động thực hiện đánh giá toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên thông qua hoạt động cơ cấu lại lĩnh vực kinh doanh, danh mục vốn đầu tư; thoái vốn tại một số công ty con, công ty liên kết; chia tách, sáp nhập một số đơn vị, phòng ban trong công ty mẹ; luân chuyển, bổ sung.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì, vận hành các dự án đang trong qu để đảm bảo lợi nhuận tốt từ các dự án.
- Thực hiện triển khai kế hoạch, kinh doanh theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Triển khai M&A nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên đưa sản phẩm pin do người Việt Nam sản xuất vươn ra thị trường thế giới.
- Xây dựng thương hiệu các sản phẩm CRC trở thành thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm 2021, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp giúp sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên cũng như đảm bảo hệ thống xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây xanh hóa môi trường làm việc. Đồng thời ưu tiên tuần hoàn và tái sử dụng để đem lại những tác động tốt cho môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Con người là yếu tố sống còn của mỗi doanh nghiệp, CRC luôn coi nhân lực là yếu tố nội lực và là tài sản vô giá. Do đó, trong quản trị nguồn nhân lực, CRC luôn chú trọng phát huy sức mạnh tập thể, xây dựng văn hóa doanh nghiệp năng động, chuyên nghiệp giúp phát huy tối đa quyền được làm việc, cống hiến và phát triển của người lao động với sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích của Công ty và mỗi nhân viên

Năm 2021, với các chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt, quan tâm bảo vệ, chăm lo sức khỏe người lao động, Công ty đã tạo môi trường làm việc lý tưởng, chuyên nghiệp, thu hút được những lao động giỏi cũng như khích lệ và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn không ngừng nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm để đưa các sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng. Nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Trong năm 2021, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao phó, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty theo sát các mục tiêu chiến lược, nỗ lực hoàn thành tốt nhất kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời HĐQT đã tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt chức năng giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc công ty thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Đánh giá việc thực hiện các trách nhiệm với môi trường và xã hội:

- + Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.
- + Đưa ra các chính sách quản lý và bảo vệ môi trường.
- + Đảm bảo hệ thống xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây xanh xung quanh môi trường làm việc.
- + Đồng hành, chia sẻ và đóng góp với chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vấn đề chung.
- + Cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Năm 2021, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng chức năng, thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty:

- + HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT, cuộc họp giao ban hàng tuần/tháng của Ban Tổng Giám đốc và các Báo cáo hoạt động định kỳ;
- + HĐQT tổ chức làm việc trực tiếp theo những vấn đề xét thấy cần thiết, có sự phân công rõ ràng cho Ban Tổng giám đốc triển khai và thực hiện công việc.
- + Đảm bảo tất cả các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng pháp luật, chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

+ Hoạt động của HĐQT luôn trên cơ sở tôn trọng quy định pháp luật, với nguyên tắc đa số, trung thực và thận trọng để đảm bảo thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và báo cáo đầy đủ theo quy định tại kỳ Đại hội gần nhất;

+ Tập trung duy trì doanh thu từ ngành nông sản và vật liệu xây dựng, phát triển đầu tư vào hoạt động kinh doanh pin và sản xuất điện năng lượng mặt trời. Đồng thời nhạy bén trong các hoạt động đầu tư để đáp ứng kịp thời xu hướng phát triển của thị trường và sử dụng vốn hiệu quả;

+ Tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển thương hiệu của Công ty;

+ Tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, tăng cường công tác kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

📌 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Mai Anh Tám	25/03/1967	027067000131	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hoàng Trung Kiên	29/09/1981	013251012	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Nguyễn Lâm Tùng	14/12/1982	012243241	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Lê Thành Nhân	20/08/2952	001052007714	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Bà Dương Thị Huyền	24/04/1987	001187000765	Thành viên Hội đồng quản trị

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch HĐQT

Họ tên	:	Mai Anh Tám
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	25/03/1967
Nơi sinh	:	Quê Võ, Bắc Ninh
Số CMND	:	027067000131

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 1997 đến 2000	:	<i>Trưởng chi nhánh kinh doanh Miền Trung Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hà Nội Viglacera, thuộc Tổng Công ty Viglacera</i>
Từ 2000 đến 2002	:	<i>Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Liên doanh Yên Hà Viglacera, thuộc Tổng Công ty Viglacera</i>
Từ 2002 đến 2010	:	<i>Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến, thuộc Tổng công ty Viglacera</i>
Từ 2010 đến nay	:	<i>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá Lại Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hăng sơn Đông Á Chủ tịch HĐQT Công ty CP CRC Solar Cell</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá Lại Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hăng sơn Đông Á Chủ tịch HĐQT Công ty CP CRC Solar Cell
Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ	:	2.000.000 cổ phiếu, chiếm 6,67% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phiếu, chiếm 6,67 % vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Nắm giữ của người có liên quan	:	Mai Anh Đức (con ruột) sở hữu 702.240 cổ phiếu, chiếm 2,34% vốn điều lệ của Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 702.240 cổ phiếu, chiếm 2,34% vốn điều lệ

		<ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu đại diện: Không có - Sở hữu của người có liên quan: Ông Mai Anh Tâm (Bố ruột) nắm giữ cá nhân 2.000.000 cổ phiếu, chiếm 6,67% Vốn điều lệ của CRC. Những người có liên quan khác không nắm giữ cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác	:	<p>Chỉ có thù lao Chủ tịch HĐQT được ĐHCĐ thông qua hàng năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2019: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2019 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2020: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2020 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2021: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2020 cho Thành viên HĐQT, BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có

b. Ông Hoàng Trung Kiên – Thành viên HĐQT

Họ tên	:	Hoàng Trung Kiên
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	29/09/1981
Nơi sinh	:	Lạc Sơn, Hòa Bình
Số CMND	:	013251012
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 2 - Bàng A - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	

Từ 09/2003 đến 04/2007	:	Kế toán Tổng hợp CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ 04/2007 đến 03/2010	:	Phó phòng kế toán CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ 04/2010 đến 03/2011	:	Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ 03/2011 đến 2013	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
Từ 2013 đến nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Eco Green Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc CTCP Eco Green Việt Nam
Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ	:	5.000 cổ phiếu, chiếm 0,015% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,015% vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ có thù lao Thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm. - Năm 2019: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2018 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2020: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2019 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2021: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2020 cho Thành viên HĐQT, BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

c. Ông Nguyễn Lâm Tùng – Thành viên HĐQT

Họ tên	:	Nguyễn Lâm Tùng
--------	---	-----------------

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 14/12/1982
Nơi sinh	: Ninh Bình
Số CMND	: 012243241
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 8/34 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	:
<i>Từ 2000 đến 2004</i>	<i>Cử nhân Tài chính ngân hàng - Học viện Tài chính Hà Nội</i>
<i>Từ 2004 đến 2006</i>	<i>Thạc sĩ Tài chính - Đại học Northumbria (Vương quốc Anh)</i>
<i>Từ 2007 đến 04/2010</i>	<i>Chuyên viên tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt</i>
<i>Từ 05/2010 đến 11/2011</i>	<i>Trưởng nhóm tư vấn, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Tư vấn tài chính Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội</i>
<i>Từ 11/2011 đến 08/2012</i>	<i>Phó Trưởng phòng Phòng Tư Vấn Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương</i>
<i>Từ 2014 đến nay</i>	: <i>Thành viên HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam Giám đốc chi nhánh TP HCM – CTCP Chứng khoán Hoàng gia</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Thành viên hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Giám đốc chi nhánh TP HCM – CTCP Chứng khoán Hoàng gia
Số lượng cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty - Sở hữu đại diện: Không có

Số hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ có thù lao Thành viên HĐQT được ĐHCĐ thông qua hàng năm. - Năm 2019: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2018 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2020: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2019 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2021: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2020 cho Thành viên HĐQT, BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

d. Ông Lê Thành Nhân – Thành viên HĐQT

Họ tên	:	Lê Thành Nhân
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/08/1952
Nơi sinh	:	Thanh Hóa
Số CMND	:	001052007714
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	CH. 704 A, CC Cao Cấp Sông Đà, 110 Trần Phú, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Giáo sư Tiến sĩ khoa học Toán Tin
Quá trình công tác	:	
<i>Từ 1968 đến 1978</i>	:	<i>Nghiên cứu viên, Viện Kỹ Thuật Quân Sự, Bộ Quốc phòng</i>
<i>Từ 1979 đến 1986</i>	:	<i>Nghiên cứu sinh, du học tại Pháp</i>

<i>Từ 1987 đến 2017</i>	:	<i>Giáo sư Tiến sĩ Khoa học, Đại học Sophia-Antipolis, Pháp</i>
<i>Từ 2018 đến nay</i>	:	<i>Viện trưởng Viện Công nghệ Quốc tế DNIIT, Đại Học Đà Nẵng</i>
<i>Từ 2020 đến nay</i>	:	<i>Thành viên HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Viện trưởng Viện Công Nghệ Quốc tế DNIIT, Đại học Đà Nẵng
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ có thù lao Thành viên HĐQT được ĐHDCĐ thông qua hàng năm. - Năm 2019: chưa được bổ nhiệm thành viên HĐQT - Năm 2020: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2020 cho Thành viên HĐQT, BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

e. Bà Dương Thị Huyền – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ tên	:	Dương Thị Huyền
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	24/04/1987
Nơi sinh	:	Phúc Thọ, Hà Nội
Số CMND	:	001187000765
Quốc tịch	:	Việt Nam

Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 2012 đến 2013		Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
Từ 2013 đến 2015		Kế toán trưởng nhà máy gạch Tuynel Alpha
Từ 2010 đến 2017		Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ 2017 đến 2019		Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ 2020 đến nay	:	Tổng Giám đốc Công ty CP Create Capital Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Công nghệ CRC Giám đốc CTCP CRC Power Giám đốc CTCP CRC Invest
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	650.000 cổ phiếu, chiếm 2.16% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 650.000 cổ phiếu, chiếm 2.16% Vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ có thù lao thành viên HĐQT được ĐHCĐ thông qua hàng năm và tiền lương Tổng Giám đốc - Năm 2019: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2018 cho Thành viên HĐQT, BKS

		- Năm 2020: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2019 cho Thành viên HĐQT, BKS - Năm 2021: tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) năm 2020 cho Thành viên HĐQT, BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

 **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** *Không có*

 **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự,... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định Pháp luật hiện hành.

Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

a. Các cuộc họp của HĐQT

• Năm 2021, HĐQT đã họp 11 phiên họp gồm cả thường kỳ và bất thường, các phiên họp đều có đầy đủ các thành viên HĐQT, các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 121/CRC/NQ-HĐQT	11/03/2021	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán.	100%
2	Số 320/2021/CRC/NQ-HĐQT	13/05/2021	Thông qua chủ trương thoái vốn của CRC tại Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc – Công ty con.	100%

3	Số 01/2021/NQHĐQT- CRC	20/05/2021	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết số 2804/2021/CRC/NQ-ĐHĐCĐ;	100%
4	Số 2207/2021/CRC/NQ- HĐQT	22/07/2021	Thông qua việc thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	100%
5	Số 109/2021/CRC- HĐQT	10/08/2021	Thông qua chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt và triển khai phân phối cổ phiếu của Công ty ra công chúng.	100%
6	Số 110/2021/NQ- HĐQT	12/08/2021	Điều chỉnh thời gian triển khai trả cổ tức bằng tiền và thời gian triển khai phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
7	Số 258/2021/NQ- HĐQT	25/08/2021	Bổ nhiệm ban kiểm toán nội bộ, thông qua quy chế hoạt động của ban kiểm toán nội bộ	100%
8	Số 1009/2021/NQ- HĐQT	10/09/2021	Thông qua việc thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%
9	Số 2909/2021/NQ- HĐQT	29/09/2021	Đình chỉnh thông tin chi nhánh Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	100%
10	Số 01.11/2021/BB- HĐQT/CRC	01/11/2021	Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm tính đến hết ngày 25/10/2021 và phân phối tiếp phần cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết;	100%
11	Số 11.11/2021/NQ- HĐQT	11/11/2021	Thông qua việc thay đổi nội dung vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty	100%

b. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị có 02 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập gồm; (1) Ông Lê Thành Nhân (2) Ông Nguyễn Lâm Tùng. Các Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đều có năng lực chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty nên có những đóng góp quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng quản trị. Trong năm 2021, các Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đều tham gia đầy đủ vào các quyết định, vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát được xung đột lợi ích, bảo vệ được lợi ích của Công ty và cổ đông

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách Thành viên Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Huế	19/07/1993	122118679	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Hà Thị Hiến	06/02/1985	019185001019	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Văn Nhu	15/05/1986	135194349	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Bà Phạm Thị Huế – Trưởng ban kiểm soát

Họ tên	:	Phạm Thị Huế
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	19/07/1993
Nơi sinh	:	Bắc Giang
Số CMND	:	122118679
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Cầm Lý, Lục Nam, Bắc Giang
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	

2018 - 2019	:	Nhân viên kế toán – CTCP Create Capital
2019 – Nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Create Capital Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	725.000 cổ phiếu, chiếm 2,4% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 725.000 cổ phiếu, chiếm 2,4% vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b. Bà Hà Thị Hiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	:	Hà Thị Hiến
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	06/02/1985
Nơi sinh	:	Phú Thọ
Số CMND	:	019185001019
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Khu 8 Vũ Yên – Thanh Ba – Phú Thọ
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế - Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 2016 đến 01/2017	:	Kế toán viên – Công ty CP Haceco

Từ 02/2017 đến 06/2017	:	Phó giám đốc – Công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum
Từ 07/2017 đến 06/2018	:	Phó giám đốc Công ty TNHH Trường Sơn
Từ 06/2018 – nay	:	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn
Từ 07/2018 đến 06/2019	:	Giám đốc Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc
Từ 2020 đến nay	:	Kế toán – Công ty TNHH Vận tải Lucky Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Create Capital Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Kế toán viên – Công ty TNHH Vận tải Lucky Kiểm soát viên – Công ty TNHH Trường Sơn
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	100 cổ phiếu, chiếm 0,00067% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 100 cổ phiếu, chiếm 0,00067% vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

c. Ông Nguyễn Văn Nhu – Thành viên BKS

Họ tên	:	Nguyễn Văn Nhu
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/05/1986
Nơi sinh	:	Vĩnh Phúc
Số CMND	:	135194349
Quốc tịch	:	Việt Nam

Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Xã Kim Xá, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 12/2015 đến T6/2020	:	Kế toán trưởng công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc
Từ 06/2020 đến Nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Create Capital Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Kế toán trưởng CTCP Gạch ngói Vĩnh Phúc
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	2.000 cổ phiếu, chiếm 0,0065% vốn điều lệ Công ty, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,0065% vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung cụ thể các công việc bao gồm:

- + Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám

đốc Công ty thực hiện đúng các chức năng, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật;

+ Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty;

+ Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng giám đốc Công ty cung cấp;

+ Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật, bao gồm: nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm và các nghĩa vụ tài chính khác;

+ Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;

+ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán bán niên và báo cáo tài chính kiểm toán năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, thẩm định các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp chính thức của BKS trong năm 2021 như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp
1	28/03/2021	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS Quý I/2021
2	29/06/2021	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS Quý II/2021
3	30/09/2021	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS Quý III/2021
4	26/12/2021	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2021

Ngoài các phiên họp chính thức, các thành viên BKS thường xuyên thực hiện trao đổi để hoàn tất các nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao phó. Bên cạnh đó, BKS đã phân công các Thành viên tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhằm hoàn thành các nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Tổng thù lao đã trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm 2021 là: 147,029,431 đồng

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Dương Thị Huyền		650,000	4.33%	650,000	2.17%	Chuyển nhượng quyền mua
2	Phạm Thị Huế		725,000	4.83%	725,000	2.42%	Chuyển nhượng quyền mua
3	Mai Anh Tâm		1,500,000	10%	1,500,000	5%	Chuyển nhượng quyền mua
4	Mai Anh Tâm		1,500,000	10%	2,000,000	6,67%	Mua trong đợt phát hành thêm cổ phiếu
5	Mai Anh Đức	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	702,240	4.68%	1,404,480	4,68%	Mua trong đợt phát hành thêm cổ phiếu

4 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của CT HĐQT đến ngày 23/12/2021	Doanh thu xây lắp	24,755,735,254	10,835,524,066
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ 01/11/2021	Doanh thu xây lắp	4,998,556,340	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Doanh thu bán hàng	6,126,545	-
Mua hàng				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	10,336,717,000	17,065,124,967
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Thuê đất	126,958,200	1,982,611
Tiền gửi ủy thác				

Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền đầu tư	-	15,981,226,849
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác	-	306,147,946
		Bán cổ phần cho Công ty	-	11,440,000,000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Nhận ủy thác		14,400,000,000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	14,400,000,000	-
		Lãi tiền gửi ủy thác	66,954,585	51,198,773
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	118,153,358	-
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	1,000,000,000	11,250,000,000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	12,250,000,000	-
		Lãi tiền gửi ủy thác	147,205,479	40,843,836
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	188,049,315	-
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	5,000,000,000	-
		Tất toán ủy thác	5,000,000,000	-
		Lãi tiền gửi	79,910,441	-
		Thu lãi tiền gửi	79,910,441	-
Các khoản phải thu, phải trả khác				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết từ ngày 27/05/2021	Chi tiền cho mượn	300,000,000	800,000,000
		Thu tiền cho mượn	1,464,974,782	
Công ty CP Phụ gia bê tông Phà Lại	Cò cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	-	275,000,000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	275,000,000
		Chuyển tiền	199,967,000	
		Hoàn trả tiền	199,967,000	
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con	Chi tiền cho mượn	292,000,000	-
		Thu hộ	1,755,000,000	-
		Trả hộ	4,605,000,000	-
Công ty cổ phần CRC Invest	Công ty con	Chi tiền cho mượn	63,000,000	-

<i>Công ty cổ phần CRC Power</i>	<i>Công ty con</i>	<i>Chi tiền cho mượn</i>	<i>60,000,000</i>	-
<i>Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời</i>	<i>Cùng người đại diện pháp luật với Công ty con</i>	<i>Mượn tiền</i>	<i>100,000,000</i>	-
		<i>Trả lại tiền</i>	<i>100,000,000</i>	-
		<i>Chi tiền cho mượn</i>	<i>22,000,000</i>	-
<i>Đặt cọc</i>				
<i>Ông Mai Anh Đức</i>	<i>Thành viên thân cận của CT.HĐQT</i>	<i>Đặt cọc tiền thuê đất</i>	<i>25,690,000,000</i>	-

5 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2021, hoạt động của HĐQT đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định hoạt động của Công ty đại chúng, Điều lệ và các quy định pháp luật khác có liên quan, thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty. Tuy nhiên, Công ty phải nghiên cứu những thay đổi của pháp luật để đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, tránh việc công bố thông tin không kịp thời khiến ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông.

6 Đánh giá của kiểm toán

7 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán

Nơi nhận:

- Như KG;
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Mai Anh Tâm

**CỔ PHẦN
CREATE
CAPITAL
VIỆT NAM**

NAM
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0105087537, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL
VIỆT NAM, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2022.03.19 21:47:00+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 41

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo Công ty cần phải:



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Ban Lãnh đạo



MAI ANH TẮM

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Số: 12/2022/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 19/03/2022 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Hồng Liên**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Thị Trúc Giang**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262.377.153.301	467.812.322.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	35.790.959.278	35.233.178.837
1. Tiền	111		15.790.959.278	32.908.079.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	2.325.099.584
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	80.750.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	100.000.000	80.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.641.467.132	127.244.739.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	4.339.140.137	57.661.660.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	87.879.601.476	52.379.681.180
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	3.060.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	11.422.725.519	14.143.398.049
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		95.795.887.453	211.142.698.207
1. Hàng tồn kho	141	5.8	95.795.887.453	211.142.698.207
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.048.839.438	13.441.706.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	45.121.741	93.803.938
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.003.717.697	13.347.902.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.759.368.096	157.858.280.327
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.140.000.000	6.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	38.140.000.000	6.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		279.542.553.794	34.487.904.395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	279.542.553.794	34.487.904.395
- Nguyên giá	222		296.189.342.180	47.974.299.229
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.646.788.386)	(13.486.394.834)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.975.428.504	84.813.399.385
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	20.975.428.504	84.813.399.385
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	41.007.950.023	31.627.730.470
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34.217.950.023	18.212.730.470
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	6.625.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		93.435.775	929.246.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	49.063.296	890.314.815
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.11	44.372.479	38.931.262
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		642.136.521.397	625.670.602.859

19/12/2021
 TỶ
 H
 TOÁN
 THAM
 KIỂM
 BẮC
 VIỆT - VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		292.642.817.662	446.862.731.366
I. Nợ ngắn hạn	310		158.431.286.587	386.886.823.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	23.732.258.249	268.425.006.027
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	23.070.205.617	73.804.942.774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.232.872.602	3.088.857.331
4. Phải trả người lao động	314		218.906.769	54.644.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	300.491.008	159.558.255
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		115.989.115	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.469.710.000	392.190.034
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	107.290.853.227	40.961.625.080
II. Nợ dài hạn	330		134.211.531.075	59.975.907.728
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		221.862.397	113.769.417
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	133.989.668.678	59.862.138.311
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.493.703.735	178.807.871.493
I. Vốn chủ sở hữu	410		349.493.703.735	178.807.871.493
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	300.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.853.430.460	17.008.792.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.530.775.098	12.108.385.020
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.322.655.362	4.900.407.603
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.994.668.350	1.153.473.945
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		642.136.521.397	625.670.602.859

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ THỦY NGÀ

VŨ THỊ THỦY

MAI ANH TÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.20	369.087.805.784	579.913.513.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.20	369.087.805.784	579.913.513.964
4. Giá vốn hàng bán	11	6.21	343.727.819.008	563.290.720.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.359.986.776	16.622.793.627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.22	3.282.621.896	2.804.544.184
7. Chi phí tài chính	22	6.23	10.395.129.323	6.592.074.045
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.385.060.081	6.364.498.194
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		402.720.715	205.653.403
9. Chi phí bán hàng	25	6.24	1.798.638.947	2.740.430.215
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.24	4.315.915.174	2.919.354.188
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.535.645.943	7.381.132.766
12. Thu nhập khác	31	6.26	10.706.328.549	279.500.934
13. Chi phí khác	32	6.26	35.355.053	745.458.340
14. Lợi nhuận khác	40		10.670.973.496	(465.957.406)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.206.619.439	6.915.175.360
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.25	754.335.102	2.003.236.634
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.25	(11.521.260)	12.281.125
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.463.805.597	4.899.657.601
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.322.655.362	4.900.407.603
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		141.150.235	(750.002)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.28	1.275	327
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.275	327

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THỦY NGA

Kế toán trưởng

VŨ THỊ THÙY

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI ANH TÂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.206.619.439	6.915.175.360
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.613.141.596	3.736.173.209
- Các khoản dự phòng	03		(245.626.755)	(92.976.830)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(16.945.321)	(850.340.574)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.304.686.996)	(2.003.869.923)
- Chi phí lãi vay	06		10.385.060.081	6.458.524.906
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		39.637.562.044	14.162.686.148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.933.217.055	19.861.511.303
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		106.710.637.678	(109.597.318.310)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(315.129.606.475)	292.030.562.061
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.276.416)	422.183.445
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.222.364.837)	(6.557.062.681)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.422.561.129)	(982.373.573)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.900.000)	(44.578.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(117.539.292.080)	209.295.609.801
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(51.391.051.593)	(99.393.140.654)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.733.036.300)	(101.415.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		162.633.036.300	57.605.952.263
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(124.575.685.877)	(6.025.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.761.667.561	45.205.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.130.310.502	1.186.591.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73.811.123.043)	(102.835.596.879)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		149.998.900.000	500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	358.512.526.697	306.041.335.142
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(309.496.919.494)	(377.964.728.341)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.104.549.500)	(9.325.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		191.909.957.703	(80.749.153.199)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		559.542.580	25.710.859.723
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	35.233.178.837	9.522.093.532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.1	(1.762.139)	225.582
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	35.790.959.278	35.233.178.837

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






MAI ANH TÂM

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THÚY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/12/2021 là 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2021 là 35 người (tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2020 là 58 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đầu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiếu lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cung cấp điện năng lượng mặt trời; Cho thuê nhà...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Trong đó: Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con, cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Công ty con				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	98,9%	98,9%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	98,3%	98,3%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	98,7%	98,7%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,0%	98,0%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,0%	95,0%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,9%	95,9%
7. Công ty cổ phần Jince Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Báo Lộc	Hà Nội	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,0%	96,0%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosun	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
Công ty liên kết				
1. Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc (*)	Vinh Phúc	Gạch ngói	49%	49%
2. Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%

(*): Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

... 01/...
CỘNG
HÒA
KIỂM
TOÁN
VIỆT
NAM
CHÍNH
MIỆN
... 01/...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

- 2.1 Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
- 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết

Là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

+ *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.

+ *Tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

+ *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối năm:

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả trái phiếu) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên.*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.*Phương pháp xác định giá gốc của Mù cao su:* Dịch danh.*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2021 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng dự án điện mặt trời Phú Thọ; Chi phí xây dựng Nhà máy sản xuất lưới thép.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ 7 đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phân chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí vận hành đường dây và chi phí hoạt động tháng 12/2021.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoãn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy, Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Lãnh đạo cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Sản xuất gạch, dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.087.670.093	2.179.674.596
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.703.289.185	30.728.404.657
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	2.325.099.584
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	20.000.000.000	2.325.099.584
Tổng cộng	35.790.959.278	35.233.178.837

(*) Hợp đồng tiền gửi ngày 20/12/2021 với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	100.000.000	100.000.000	80.750.000.000	80.750.000.000
Tiền gửi của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	-	-	80.750.000.000	80.750.000.000
Bà Dương Thị Huyền	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	-	-	17.600.000.000	17.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	-	-	34.500.000.000	34.500.000.000
Ông Nguyễn Việt Giáp	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Bà Phạm Thị Huế	-	-	11.250.000.000	11.250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	100.000.000	100.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	100.000.000	100.000.000	-	-
Dài hạn	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (ii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (iv)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	6.890.000.000	6.890.000.000	87.540.000.000	87.540.000.000

Trong đó:

Tiền gửi ủy thác là các bên có liên quan

31/12/2021 (VND)**01/01/2021 (VND)**

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2020 ngày 29/03/2020 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng lãi suất 4,7%/năm

(i) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(ii) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(iii) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng phát hành tại ngày 31/12/2021 là 790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 6.790.000.000 đồng, Chi tiết tại thuyết minh số 5.17

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính****b. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			34.217.950.023	-	18.212.730.470	-
+ Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc (i)	49%	49%	15.923.392.564	-	-	-
+ Công ty TNHH Trường Sơn	45%	45%	18.294.557.459	-	18.212.730.470	-
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	6.625.000.000	-
+ Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch			-	-	6.625.000.000	-
Tổng cộng			34.217.950.023	-	24.837.730.470	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Kỳ này

+ Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc

+ Công ty TNHH Trường Sơn

Trong năm 2021 đơn vị lãi

Trong năm 2021 đơn vị lãi

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong năm, Công ty giám vốn tại Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc theo Nghị quyết 320/2021/CRC/NQ-HDQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị. Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 9.1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.3. Phải thu khách hàng***Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	-	3.954.537.114
Công ty cổ phần công nghệ EMP	-	34.227.665.553
Công ty TNHH Tháo Nguyễn Xanh Kon Tum	-	3.778.303.500
Công ty TNHH Việt Hương	-	3.063.967.444
Công ty CP đầu tư phát triển thương mại SHP	-	3.365.450.000
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	4.121.243.813
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	988.046.664	-
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	856.987.476	-
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	793.630.000	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	298.296.900	-
Các khách hàng khác	1.402.179.097	5.150.492.732
Tổng cộng	4.339.140.137	57.661.660.156

*Trong đó**Khoản phải thu với các bên có liên quan**(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)*

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Khoản phải thu với các bên có liên quan</i>	-	3.365.450.000

5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát	-	250.000.000
Ông Trần Văn Cảnh	-	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	-	1.810.000.000
Tổng cộng	-	3.060.000.000

5.5. Trả trước cho người bán*Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	3.654.432.000	-
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHI	17.620.720.581	33.642.966.200
Công ty sản xuất thương mại Thành Nam BP	11.729.771.406	-
Công ty TNHH Thiết kế XD Kiến trúc Ý tưởng	-	2.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ EMP	38.113.558.750	2.960.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	7.646.627.390	-
Các nhà cung cấp còn lại	9.114.491.349	13.776.714.980
Tổng cộng	87.879.601.476	52.379.681.180

*Trong đó**Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan**(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)*

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan</i>	-	4.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.6. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn	11.422.725.519	14.143.398.049
<i>Tạm ứng</i>	5.518.000.000	2.920.915.632
Ông Lương Văn Hà	1.850.000.000	-
Ông Trần Văn Quyết	-	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Huế	-	1.000.000.000
Ông Vũ Xuân Hoài	1.000.000.000	-
Ông Hồ Công Trứ	1.868.000.000	-
Các đối tượng khác	800.000.000	920.915.632
Phải thu khác	5.904.725.519	852.595.932
Phải thu lãi tiền gửi, tiền ủy thác	187.576.274	822.535.932
Ông Trần Ngọc Khánh (i)	4.425.000.000	-
Bà Triệu Thị Sa	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.292.149.245	30.060.000
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	-	10.369.886.485
Ký quỹ - Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	-	941.000.000
Ký quỹ - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	-	9.428.886.485
b. Dài hạn	38.140.000.000	6.000.000.000
Bà Triệu Thị Sa (ii)	9.000.000.000	4.000.000.000
Ông Mai Anh Đức(iii)	25.690.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	3.000.000.000	2.000.000.000
Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng (v)	450.000.000	-
Tổng cộng	49.562.725.519	20.143.398.049

Trong đó

Phải thu khác là bên có liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
	25.690.000.000	92.042.609

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) (Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 2212/2021/HĐCN ngày 22/12/2021, khoản tiền này đã được thu hồi vào ngày 18/01/2022 và ngày 07/03/2022.
- (ii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm. Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/INVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTD/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/DUC TRONG ngày 30/09/2020 thời hạn 25 năm.
Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTD/DATEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm.
- (v) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/09/2020.

10-010
CÔNG
TÂN
KIỂM
TRẠ
PA VI
CHỈ N
MIỄN
TRU HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.7. Chi phí trả trước***Chi phí trả trước ngắn hạn*

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ	10.345.686	16.586.364
- Bảo hiểm tài sản	12.792.722	71.057.801
- Chi phí khác	21.983.333	6.159.773
Tổng cộng	45.121.741	93.803.938

Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí san lấp mặt bằng	-	414.415.329
- Nhà ú đất chạy thử	-	401.113.513
- Công cụ dụng cụ	49.063.296	-
- Chi phí sửa chữa Gông	-	74.785.973
Tổng cộng	49.063.296	890.314.815

10/120
CÔNG TY
HH
TOÁN
TAM
HÀNH
BẮC
CƠ-VE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.8. Hàng tồn kho**

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	(i)	189.368.263	-	13.258.054.728	-
Công cụ dụng cụ		-	-	2.364.091	-
Chi phí SXKD dở dang		14.752.376.005	-	106.816.405.682	-
+ Dự án Dầu Tiếng		-	-	57.865.810.763	-
+ Dự án Bảo Lộc		-	-	22.508.814.574	-
+ Dự án Bình Định		-	-	22.651.074.141	-
+ Dự án Solar Cell		13.303.304.304	-	-	-
+ Dự án nhà xưởng Bảo Lộc		1.240.165.584	-	-	-
+ Dự án khác		208.906.117	-	589.934.154	-
+ Sản phẩm dở dang		-	-	3.200.772.050	-
Thành phẩm		-	-	14.405.780.708	-
Hàng hoá	(i)	80.854.143.185	-	76.660.092.998	-
Tổng cộng		95.795.887.453	-	211.142.698.207	-

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Loại hàng gửi</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	4.868.263	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đăng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	19.691.084.700	40.584.292.541
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	29.612.183.500	19.795.108.858
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	Nhân điều	-	3.243.240.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	9.830.765.007	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2021	27.507.073.760	18.741.578.741	1.725.646.728	47.974.299.229
Mua trong kỳ	-	550.000.000	1.278.880.000	1.828.880.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	278.267.164.707	-	278.267.164.707
Tăng khác (ii)	-	14.681.719.836	-	14.681.719.836
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(607.705.455)	(607.705.455)
Giảm khác (i)	(27.507.073.760)	(18.447.942.377)	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	293.792.520.907	2.396.821.273	296.189.342.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	5.889.265.411	6.780.137.250	816.992.173	13.486.394.834
Khấu hao trong kỳ	-	8.169.511.920	443.629.676	8.613.141.596
Tăng khác (iii)	-	7.693.215.940	-	7.693.215.940
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(576.176.682)	(576.176.682)
Giảm khác (i)	(5.889.265.411)	(6.680.521.891)	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	15.962.343.219	684.445.167	16.646.788.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	21.617.808.349	11.961.441.491	908.654.555	34.487.904.395
Tại ngày 31/12/2021	-	277.830.177.688	1.712.376.106	279.542.553.794

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng (ngày 31/12/2020 là 168.572.209 đồng)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 251.185.239.224 đồng (ngày 31/12/2020 là 23.025.969.712 đồng)

(i): (ii): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của Công ty con đã thanh lý trong kỳ và phân loại lại nhóm tài sản

(iii): Khấu hao của tài sản cố định Công ty con tăng mới trong kỳ

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Dự án ĐMT Nhà ăn KonTum	-	-	15.706.561.646	15.706.561.646
- Dự án ĐMT Đà Tế	-	-	16.889.840.354	16.889.840.354
- Dự án ĐMT Lâm Hà 1 - Invest	-	-	11.576.913.968	11.576.913.968
- Dự án ĐMT Lâm Hà 1 - Power	-	-	12.587.228.680	12.587.228.680
- Dự án ĐMT Lâm Hà 2 - Power	-	-	11.409.169.659	11.409.169.659
- Dự án ĐMT Lâm Hà 2 - Canadian	-	-	16.121.267.056	16.121.267.056
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	11.199.648.049	11.199.648.049	-	-
- Nhà máy sản xuất lưới thép - Vinasolar Báo Lộc	9.775.780.455	9.775.780.455	-	-
- Tài sản dở dang khác	-	-	522.418.022	522.418.022
Tổng cộng	20.975.428.504	20.975.428.504	84.813.399.385	84.813.399.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	31/12/2021	01/01/2021
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	44.372.479	38.931.262
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	44.372.479	38.931.262

5.12. Phải trả người bánCác khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật liệu Lâm nhà PLD	-	-	14.775.930.411	14.775.930.411
Công ty JASOLAR INTERNATIONAL LIMITED	-	-	117.528.600.838	117.528.600.838
Công ty JINKOSOLAR CO, LTD	-	-	40.789.599.365	40.789.599.365
Công ty ZNSHINE SOLAR	-	-	45.740.139.448	45.740.139.448
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	2.681.214.056	2.681.214.056	-	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	1.261.083.310	1.261.083.310	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	19.789.960.883	19.789.960.883	49.590.735.965	49.590.735.965
Tổng cộng	23.732.258.249	23.732.258.249	268.425.006.027	268.425.006.027

Trong đó

Khoản phải trả nhà cung cấp là bên có liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

	31/12/2021	01/01/2021
	-	211.603.011

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	-	-	7.404.845	7.404.845
- Bảo hiểm xã hội	-	-	29.605.246	29.605.246
- Phải trả ngắn hạn khác	2.469.710.000	2.469.710.000	355.179.943	355.179.943
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	721.031.468	721.031.468	255.590.677	255.590.677
+ Nhận ký quỹ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	1.582.500.000	1.582.500.000	-	-
+ Phải trả khác	133.178.532	133.178.532	66.589.266	66.589.266
Tổng cộng	2.469.710.000	2.469.710.000	392.190.034	392.190.034

21791
 TY
 AN
 NAM
 ANH
 BAC
 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	-	-	32.132.591.182	32.132.591.182
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	4.112.366.688	4.112.366.688	-	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Mai Sơn Lâm	7.600.000.000	7.600.000.000	-	-
Công ty cổ phần Công Nghệ Và Xử Lý Môi Trường Toàn Mỹ	5.763.399.040	5.763.399.040	11.267.070.255	11.267.070.255
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	-	6.630.000.000	6.630.000.000
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	639.010.000	639.010.000	7.850.000.000	7.850.000.000
Công ty TNHH MTV Hà My	-	-	8.250.000.000	8.250.000.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	-	413.923.528	413.923.528
Các đối tượng khác	4.955.429.889	4.955.429.889	7.261.357.809	7.261.357.809
Tổng cộng	23.070.205.617	23.070.205.617	73.804.942.774	73.804.942.774

Trong đó

	31/12/2021	01/01/2021
Khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)	-	32.546.514.710

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	793.859.930	9.268.554.018	10.062.413.948	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.603.161.170	754.335.102	1.603.161.170	754.335.102
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	-	-	457.537.500
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	215.510.400	-	215.510.400	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2.000.000	32.000.000	13.000.000	21.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	16.788.331	34.518.097	51.306.428	-
Tổng cộng	3.088.857.331	10.089.407.217	11.945.391.946	1.232.872.602

5.16. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí dịch vụ nhập khẩu	-	19.500.000
- Chi phí lãi vay	221.301.624	137.113.050
- Chi phí phải trả khác	79.189.384	2.945.205
Tổng cộng	300.491.008	159.558.255

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17. *Vay và nợ thuê tài chính*

5.17.1. *Các khoản vay ngắn hạn*

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	83.630.792.806	83.630.792.806	354.451.936.375	301.643.960.382	30.822.816.813	30.822.816.813
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	49.261.252.276	49.261.252.276	175.681.224.007	142.206.681.706	15.786.709.975	15.786.709.975
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	34.369.540.530	34.369.540.530	133.348.832.837	107.063.153.667	8.083.863.360	8.083.863.360
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	45.421.879.531	45.924.726.840	502.847.369	502.847.369
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	-	4.329.396.169	4.329.396.169	4.329.396.169
+ Bà Nguyễn Thị Thùy Nga	-	-	-	820.000.000	820.000.000	820.000.000
+ Bà Vũ Thị Phương	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	23.660.060.421	23.660.060.421	27.077.431.701	13.556.179.547	10.138.808.267	10.138.808.267
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng (3)	44.000.004	44.000.004	337.333.336	337.333.336	44.000.004	44.000.004
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (4)	165.245.904	165.245.904	282.098.365	116.852.461	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	-	1.353.856.000	1.353.856.000	1.353.856.000
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (5)	5.082.000.000	5.082.000.000	5.689.000.000	1.927.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thánh Công (6)	3.416.814.513	3.416.814.513	3.425.000.000	3.053.185.487	3.045.000.000	3.045.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội (7)	8.460.000.000	8.460.000.000	9.570.000.000	5.483.952.263	4.375.952.263	4.375.952.263
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Mỹ Đình (8)	6.492.000.000	6.492.000.000	7.774.000.000	1.282.000.000	-	-
Tổng cộng	107.290.853.227	107.290.853.227	381.529.368.076	315.200.139.929	40.961.625.080	40.961.625.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

5.17.2 Các khoản vay dài hạn

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khó năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khó năng trả nợ
Vay dài hạn	133.989.668.678	133.989.668.678	101.204.962.068	27.077.431.701	59.862.138.311	59.862.138.311
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng (3)	205.333.324	205.333.324	293.333.332	337.333.336	249.333.328	249.333.328
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (4)	557.901.635	557.901.635	840.000.000	282.098.365	-	-
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (5)	26.196.500.000	26.196.500.000	23.205.500.000	5.689.000.000	8.689.000.000	8.689.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (6)	20.129.999.188	20.129.999.188	-	3.423.000.000	23.554.999.188	23.554.999.188
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội (7)	52.484.934.531	52.484.934.531	34.677.128.736	9.570.000.000	27.377.805.793	27.377.805.793
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Mỹ Đình (8)	34.415.000.000	34.415.000.000	42.189.000.000	7.774.000.000	-	-
Tổng cộng	133.989.668.678	133.989.668.678	101.204.962.068	27.077.431.701	59.862.138.311	59.862.138.311

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

- (1) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình
 Hợp đồng TDHM số 01/2021-8355501/HĐTD ngày 10/06/2021
 Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số B73.1 khu chèo nâng đồ thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 190.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

- (2) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà

Hợp đồng tín dụng số 12660LAV202100208 ngày 22/04/2021

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666994 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank trong vốn Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

- 5.17. *Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*
Chi tiết các khoản vay ngân hàng
- (3) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng
Hợp đồng cho vay kiểm tra chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TTB MB4/01 ngày 21/08/2020
Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 304.253.502 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 388.341.341.990 đồng)
- (4) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng
Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/L2021/0494 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/L2021/0658
Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 511.790.326 đồng và 583.425.203 đồng
- (5) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình
Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ Giấy chúng nhân góp vốn số 04/CNCP/CRCTECH do Công ty cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.
Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án
- Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trạng trại tại địa điểm đầu tư dự án
- Hợp đồng vay số 12611.21.014.97200117.TD ngày 16/03/2021
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trạng trại tại địa điểm đầu tư dự án
- (6) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công
Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20598213 ngày 26/06/2020
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 phiếu của công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn: Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU186588
Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/2095745 ngày 17/09/2020
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN
Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20955417 ngày 09/09/2020
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, không nhà xưởng của dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện giữ EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/20214 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/1420904/HĐTD ngày 11/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng kinh doanh từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thành, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số B0544379

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liên kết hợp đồng áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

(8) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình

Hợp đồng cho vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; BDS tại xã Tân Thành, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số CX027498

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145079831/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liên kết hợp đồng áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	10.645.604.925	-	12.266.487.503	604.223.947	173.516.316.375
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	550.000.000	550.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.900.407.603	(750.002)	4.899.657.601
Tăng khác	-	-	1.067.753.431	-	-	1.067.753.431
Giảm khác	-	-	(1.067.753.431)	(158.102.483)	-	(1.225.855.914)
Số dư cuối năm trước/dầu kỳ này	150.000.000.000	10.645.604.925	-	17.008.792.623	1.153.473.945	178.807.871.493
Tăng vốn trong năm (**)	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	22.322.655.362	141.150.235	22.463.805.597
Tăng khác (***)	-	-	16.945.321	2.088.571.741	4.295.163.062	6.400.680.124
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (**)	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS (**)	-	-	-	(66.589.266)	-	(66.589.266)
Giảm khác (***)	-	-	(16.945.321)	-	(595.118.892)	(612.064.213)
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	10.645.604.925	-	33.853.430.460	4.994.668.350	349.493.703.735

(*): Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 280/4/2021/CRC/NQ-DHDCD ngày 28/4/2021; Nghị quyết số 01/2021/NQHĐQT-CRC của Hội đồng quản trị Công ty ngày 20/05/2021 thông qua việc triển khai phương án chào bán 15.000.000 cổ phiếu ra công chúng; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 109/2021/NQ-HĐQT ngày 10/08/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 110/2021/NQ-HĐQT ngày 12/08/2021 đã thông qua việc triển khai phân phối cổ phiếu; Giấy chứng nhận số 127/GCN-LUBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/08/2021 về việc đăng ký chào bán; Công văn số 7176/LUBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05/11/2021 về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của CRC

(**): Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 280/4/2021/CRC/NQ-DHDCD ngày 28/4/2021; Theo đó Công ty chi trả cổ tức 7.500.000.000 đồng; trích thu lao trả HĐQT và BKS 66.589.266 đồng.

(***) : Tăng giảm khác của chỉ tiêu Lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế là các ảnh hưởng của việc mua/bán Công ty con trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tâm	20.000.000.000	20.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000	-	7.022.400.000	7.022.400.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	265.955.200.000	265.955.200.000	-	127.977.600.000	127.977.600.000	-
Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tổng trong năm	150.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.500.000.000	-
Cổ tức chi bằng tiền mặt	5%/ mệnh giá	

d. Cổ phiếu:

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.19. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	95.167,65	1.738,86

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.087.805.784	579.913.513.964
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	127.699.397.864	483.381.464.267
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	214.337.143.044	94.680.863.446
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.051.264.876	1.851.186.251
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.087.805.784	579.913.513.964
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>127.699.397.864</i>	<i>483.381.464.267</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>214.337.143.044</i>	<i>94.680.863.446</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	<i>27.051.264.876</i>	<i>1.851.186.251</i>
<i>Trong đó</i>	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu với các bên liên quan	29.760.418.139	10.835.524.066
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)</i>		

6.21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	123.655.903.344	473.464.380.335
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	211.017.464.678	88.525.288.683
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.054.450.986	1.301.051.319
Tổng cộng	343.727.819.008	563.290.720.337

6.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	2.494.919.912	1.798.216.520
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	651.169.501	155.987.090
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.945.321	850.340.574
Lãi thanh lý khoản đầu tư	119.587.162	-
Tổng cộng	3.282.621.896	2.804.544.184

6.23. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	10.385.060.081	6.364.498.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.069.242	227.575.851
Tổng cộng	10.395.129.323	6.592.074.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	1.095.052.246	911.005.355
- Chi phí công cụ quản lý	46.897.428	64.782.636
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.883.326	270.411.033
- Thuế, phí và lệ phí	110.097.031	156.003.808
- Chi phí dự phòng	-	(92.976.830)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.479.645.965	1.528.439.991
- Chi phí bằng tiền khác	132.339.178	81.688.195
Tổng cộng	4.315.915.174	2.919.354.188
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	-	82.056.818
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.798.638.947	2.658.373.397
Tổng cộng	1.798.638.947	2.740.430.215

6.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**6.25.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	754.335.102	2.003.236.634
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	-
Tổng cộng	754.335.102	2.003.236.634

6.25.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế TNDN hoãn lại	(11.521.260)	12.281.125
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	(11.521.260)	12.281.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.26. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	10.706.328.549	279.500.934
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	332.107.591	-
- Hàng tặng	-	247.870.290
- Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	10.341.113.536	-
- Các khoản khác	33.107.422	31.630.644
Chi phí khác	35.355.053	745.458.340
- Lãi chậm nộp BHXH	143.603	651.679
- Các khoản bị phạt, bị truy thu	34.518.097	671.629.033
- Các khoản khác	693.353	73.177.628
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	10.670.973.496	(465.957.406)

6.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.134.707.587	12.306.145.853
Chi phí nhân công	992.991.940	1.714.410.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.613.141.596	1.499.229.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.511.201.576	2.429.837.688
Chi phí khác bằng tiền	1.023.907.213	15.608.649
Tổng cộng	137.275.949.912	17.965.231.251

6.28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.322.655.362	4.900.407.603
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ	22.322.655.362	4.900.407.603
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.506.849	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.275	327

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
7.1. Thanh lý công ty con trong kỳ		
Tổng giá trị thanh lý	15.722.086.000	-
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	15.722.086.000	-
7.2 Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	34.937.215	58.666.672
+ Tiền thanh toán vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	19.972.710	44.000.004
+ Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thu	4.425.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Báo cáo bộ phận

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, năng lượng, sản xuất gạch và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa	Xây dựng cơ bản	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ						
- Doanh thu bán ra bên ngoài	1.156.236.821	126.543.161.043	214.337.143.044	27.031.264.876	-	369.087.805.784
Tổng doanh thu thuần	1.156.236.821	126.543.161.043	214.337.143.044	27.031.264.876	-	369.087.805.784
Chi phí kinh doanh	1.456.201.194	125.544.365.888	213.316.652.612	9.525.153.435	-	349.842.573.129
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.267.600.996	122.388.302.348	211.017.464.678	9.034.450.986	-	343.727.819.008
- Chi phí bán hàng	-	1.798.636.947	-	-	-	1.798.636.947
- Chi phí QLDN	188.600.198	1.357.424.593	2.299.187.934	470.702.449	-	4.315.915.174
Kết quả HĐKD	(299.964.373)	998.795.155	1.020.490.432	17.526.111.441	-	19.245.432.655
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	-	-	(6.709.786.712)	(6.709.786.712)
- Lợi nhuận khác	-	-	-	-	10.670.973.496	10.670.973.496
- LN(lỗ) trước thuế	(299.964.373)	998.795.155	1.020.490.432	17.526.111.441	3.961.186.784	23.206.619.439
Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa	Xây dựng cơ bản	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3.736.433.813	6.328.722.486	5.725.802.979	20.000.000.000	35.790.959.278
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	18.680.155.329	31.640.201.586	53.321.110.217	-	103.641.467.132
Hàng tồn kho	-	81.043.511.448	14.752.376.005	-	-	95.795.887.453
Tài sản ngắn hạn khác	-	27.048.839.438	-	-	-	27.048.839.438
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	38.140.000.000	-	38.140.000.000
Tài sản cố định	-	14.923.148.666	-	264.619.405.128	-	279.542.553.794
Tài sản dở dang dài hạn	-	11.199.648.049	-	9.773.780.435	-	20.973.428.504
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	41.007.930.023	41.007.930.023
Tài sản dài hạn khác	-	93.435.775	-	-	-	93.435.775
Tổng tài sản	-	156.725.172.518	52.721.300.077	371.582.098.779	61.107.950.023	642.136.521.397



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Số dư xuất phát	Kinh doanh hàng hóa	Xây dựng cơ bản	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	-	39.419.200.564	66.767.723.836	52.244.362.187	-	158.431.286.587
Nợ dài hạn	-	365.692.391	619.404.965	133.226.433.719	-	1.118.319.730
Tổng nợ phải trả	-	39.784.892.954	67.387.128.802	185.470.795.906	-	292.642.817.662

8. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Khu vực nội địa	347.304.174.704		534.430.742.928	
Khu vực nước ngoài	21.583.631.080		45.482.771.636	
Cộng	369.087.805.784		579.913.513.964	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Chuyển từ công ty con sang công ty liên kết từ ngày 27/05/2021
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP phụ gia bê tông Phù Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Jisca Việt Nam	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Công ty con từ ngày 01/11/2021; BLQ của TGD đến ngày 22/05/2021
Công ty CP CRC Solar Cell	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 23/12/2021
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HDQT

a. Giao dịch với các bên liên quan*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc*

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	147.029.431	195.122.874
Tổng cộng	147.029.431	195.122.874

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng Ban kiểm soát	78.916.415	78.298.674
Bà Hà Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	-	51.675.200
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	68.113.015	65.149.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của CT HDQT đến ngày 23/12/2021	Doanh thu xây lắp	24.755.735.254	10.835.524.066
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ 01/11/2021	Doanh thu xây lắp	4.998.556.340	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Doanh thu bán hàng	6.126.545	-
Cộng			29.760.418.139	10.835.524.066
Mua hàng				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	10.336.717.000	17.065.124.967
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HDQT	Thuế đất	126.958.200	1.982.611
Cộng			10.463.675.200	17.067.107.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)****a. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
<i>Tiền gửi ủy thác</i>				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Nhận ủy thác		14.400.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	14.400.000.000	-
		Lãi tiền gửi ủy thác	66.954.585	51.198.773
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	118.153.358	-
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	1.000.000.000	11.250.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	12.250.000.000	-
		Lãi tiền gửi ủy thác	147.205.479	40.843.836
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	188.049.315	-
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	5.000.000.000	-
		Tất toán ủy thác	5.000.000.000	-
		Lãi tiền gửi	79.910.441	-
		Thu lãi tiền gửi	79.910.441	-
Các khoản phải thu, phải trả khác				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết từ ngày 27/05/2021	Chi tiền cho mượn	300.000.000	800.000.000
		Thu tiền cho mượn	1.464.974.782	-
Công ty CP Phụ gia bê tông Phú Lợi	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	-	275.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	275.000.000
		Chuyển tiền	199.967.000	-
		Hoàn trả tiền	199.967.000	-
Đặt cọc				
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HDQT	Đặt cọc tiền thuê đất	25.690.000.000	-

b. Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
I. Phải thu khách hàng		-	3.365.450.000
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	-	3.365.450.000
II. Tiền gửi ủy thác		-	25.650.000.000
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	-	11.250.000.000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	14.400.000.000
III. Người mua trả tiền trước		-	32.546.514.710
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ CT.HDQT đến ngày 23/12/2021	-	413.923.528
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	-	32.132.591.182
IV. Phải thu khác		25.690.000.000	92.042.609
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	-	40.843.836
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	51.198.773
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HDQT	25.690.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)****b. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<i>VI. Phải trả người bán</i>		-	211.603.011
<i>Công ty CP Phụ gia bê tông Phò Lại</i>	<i>Có cùng Chủ tịch HĐQT</i>	-	209.620.400
<i>Ông Mai Anh Đức</i>	<i>Thành viên thân cận của CT.HĐQT</i>	-	1.982.611
<i>VII. Trả trước cho người bán</i>		-	4.108.000.000
<i>Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh</i>	<i>BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 22/05/2021</i>	-	4.109.000.000

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THÚY

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI ANH TÂM